



BẢN TIN NGHIỆP VỤ THÁNG 7 NĂM 2025

I. CHÍNH SÁCH VỀ PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP

Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và bao gồm một số nội dung sửa đổi, bổ sung đáng chú ý như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung định nghĩa và phương pháp xác định giá thị trường của phần vốn góp, cổ phần

- Đối với cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán: Giá thị trường được xác định theo một trong các phương thức:
 - + Giá bình quân 30 ngày liền kề trước gần nhất;
 - + Hoặc giá theo thỏa thuận giữa người mua và người bán;
 - + Hoặc giá do tổ chức thẩm định giá xác định.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán: Giá thị trường được xác định theo một trong các phương thức:
 - + Giá giao dịch liền kề trước gần nhất;
 - + Hoặc giá theo thỏa thuận giữa người mua và người bán;
 - + Hoặc giá do tổ chức thẩm định giá xác định.

2. Bổ sung định nghĩa về “Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân”

- Là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối doanh nghiệp, trừ các trường hợp sau:
 - + Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm 100% vốn điều lệ;
 - + Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Bổ sung nghĩa vụ thông báo về chủ sở hữu hưởng lợi

- Doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh khi có thay đổi về thông tin chủ sở hữu hưởng lợi, trừ:
 - + Công ty niêm yết;
 - + Công ty đăng ký giao dịch chứng khoán.

4. Quyền tiếp cận thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- Việc cung cấp thông tin nhằm phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền và không phải trả phí.

5. Về việc hoàn trả phần vốn góp cho cổ đông

- Công ty chỉ được hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần khi:
 - + Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - + Công ty đã hoạt động kinh doanh ít nhất 2 năm trở lên tính từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp (không kể thời gian đăng ký tạm ngừng kinh doanh). (Sửa đổi so với quy định trước đây chỉ quy định nếu công ty đã hoạt động kinh doanh từ 2 năm trở lên)

6. Bổ sung trường hợp giảm vốn điều lệ

- Công ty có thể giảm vốn điều lệ nếu:
 - + Hoàn lại vốn góp cho cổ đông theo yêu cầu và điều kiện ghi trong cổ phiếu;
 - + Áp dụng đối với cổ đông sở hữu cổ phần có quyền ưu đãi hoàn lại theo quy định của: Luật Doanh nghiệp; Điều lệ công ty.

7. Bổ sung điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ đối với công ty cổ phần không phải công ty đại chúng

- Điều kiện mới:
 - + Tổng nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu theo: Báo cáo tài chính năm liền kề trước năm phát hành; Báo cáo đã được kiểm toán.
- Ngoại lệ – không áp dụng điều kiện trên với:
 - + Doanh nghiệp Nhà nước;
 - + Doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản;
 - + Tổ chức tín dụng;
 - + Doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm;
 - + Công ty chứng khoán.

II. CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Hướng dẫn thực hiện một số quy định về hóa đơn, chứng từ tại Thông tư 32/2025/TT-BTC ngày 31/05/2025 của Bộ Tài chính (Có hiệu lực từ ngày 01/6/2025)

- Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của:
 - + Luật Quản lý thuế năm 2019;
 - + Nghị định số 123/2020/NĐ-CP;
 - + Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.
- Một số quy định đáng chú ý, trong đó bao gồm các quy định về hóa đơn, chứng từ như sau:

1.1. Chuyển đổi từ hóa đơn không mã sang hóa đơn có mã:

- Người nộp thuế đang sử dụng hóa đơn điện tử không có mã có thể tự nguyện chuyển sang sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế.

1.2. Trường hợp bắt buộc chuyển sang hóa đơn có mã:

- Người nộp thuế thuộc diện sử dụng hóa đơn không có mã nhưng bị xác định là có rủi ro cao về thuế thì phải chuyển sang hóa đơn có mã trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của cơ quan thuế.
- Sau 12 tháng kể từ ngày chuyển sang hóa đơn có mã, nếu người nộp thuế có nhu cầu sử dụng lại hóa đơn không có mã, thì phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử.

1.3. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh:

- Doanh nghiệp được phép:
 - + Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền cho các hoạt động bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng;
 - + Sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã cho các hoạt động kinh doanh khác.

1.4. Áp dụng hóa đơn điện tử cho các trường hợp đặc thù:

- Các hoạt động kinh doanh có tính chất:
 - + Phát sinh thường xuyên;
 - + Số lượng lớn;
 - + Cần đối soát thông tin thường xuyên;
 - + Các hoạt động cho thuê tài chính...

2. Quản lý thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số (Căn cứ: Nghị định 117/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ; Có hiệu lực từ ngày 01/7/2025)

2.1. Trách nhiệm của tổ chức vận hành nền tảng số:

- Khấu trừ và nộp thay thuế GTGT và TNCN cho các cá nhân, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng.
- Thời điểm khấu trừ: ngay khi giao dịch được xác nhận thành công và thanh toán.
- Tỷ lệ thuế khấu trừ: tính theo doanh thu của từng giao dịch; nếu không xác định được loại hình kinh doanh thì áp dụng mức khấu trừ cao nhất.
- Tỷ lệ kê khai thuế: theo tháng, được bù trừ thuế của các giao dịch bị hủy hoặc trả lại.
- Cung cấp chứng từ khấu trừ điện tử hàng năm cho hộ, cá nhân kinh doanh.

2.2. Nghĩa vụ của hộ, cá nhân kinh doanh:

- Không phải khai, nộp thuế nếu đã được nền tảng khấu trừ và nộp thay.
- Trường hợp tự khai, tự nộp:
 - + Khi hoạt động trên nền tảng không có chức năng thanh toán, người nộp thuế phải tự kê khai, nộp thuế bằng hình thức điện tử.
- Cá nhân không cư trú vẫn phải nộp thuế theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu, nếu không thông qua nền tảng có chức năng thanh toán.
- Phải cung cấp thông tin mã số thuế hoặc thông tin định danh cho nền tảng số để thực hiện nghĩa vụ thuế.

2.3. Hoàn thuế:

- Hộ, cá nhân kinh doanh có quyền đề nghị hoàn thuế nếu trong cả năm:
 - + Có doanh thu thuộc diện không chịu thuế GTGT và TNCN, dù đã bị khấu trừ hoặc tự nộp.
- Hồ sơ hoàn thuế lập theo Mẫu số 03/CNKD-TMĐT.

III. CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN, GIẢI ĐÁP CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Ưu đãi thuế trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo, đất phi nông nghiệp.

- Công văn số 1430/CT-CS ngày 28/05/2025:

- + Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, nếu đáp ứng các điều kiện về danh mục loại hình, quy mô, tiêu chuẩn cơ sở xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo quy định thì thu nhập từ hoạt động đào tạo tại các cơ sở đào tạo được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

- Công văn số 1455/CT-CS ngày 28/05/2025:

Đất sử dụng cho các hoạt động giáo dục đáp ứng tiêu chí xã hội hóa, tiêu chuẩn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì:

- + Miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp với đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa;
- + Giảm 50% thuế phải nộp nếu là đất của dự án đầu tư trong lĩnh vực được khuyến khích đầu tư.

2. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

- Công văn số 1482/CT-CS ngày 30/05/2025:

- + Nếu địa bàn dự án đầu tư được chuyển thành địa bàn ưu đãi sau ngày 01/01/2015 thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế khi chuyển đổi.
- + Nếu dự án của Công ty được xác định là dự án đầu tư mở rộng, thì Công ty có thể lựa chọn một trong hai cách hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) như sau:
 - ⇒ Hưởng ưu đãi thuế TNDN như dự án đang hoạt động, hoặc;
 - ⇒ Áp dụng thời gian miễn/giảm thuế cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng theo mức ưu đãi tương đương như đối với dự án đầu tư mới nằm trên cùng địa bàn hoặc thuộc cùng lĩnh vực được ưu đãi thuế TNDN.

- Công văn số 1581/CT-CS ngày 05/06/2025:

- + Khoản phí nếu doanh nghiệp đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì không liên quan đến hoạt động SXKD, nên không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

3. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

- **Công văn số 1456/CT-CS ngày 28/05/2025:**
 - + Doanh nghiệp khai bổ sung làm giảm số thuế GTGT đã được hoàn thì phải:
 - ⇒ Nộp lại số thuế hoàn thừa;
 - ⇒ Đồng thời nộp tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định pháp luật thuế.
- **Công văn số 1592/CT-NVT ngày 05/06/2025:**
 - + Trường hợp khai bổ sung thuế GTGT, chỉ làm tăng/giảm số thuế chưa khấu trừ hết thì:
 - ⇒ Lập tờ khai bổ sung;
 - ⇒ Khai số điều chỉnh vào: Chỉ tiêu [38] nếu điều chỉnh tăng thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước; hoặc Chỉ tiêu [37] nếu điều chỉnh giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước, trên tờ khai thuế GTGT kỳ hiện tại (kỳ còn trong thời hạn khai thuế).
- **Công văn số 1593/CT-CS ngày 05/06/2025:**
 - + Thu nhập từ giao khoán đất nông nghiệp để trồng trọt:
 - ⇒ Nếu bán sản phẩm trồng trọt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc mới sơ chế thông thường ⇒ không chịu thuế GTGT.
 - + Nếu bản chất là cho thuê đất để sản xuất kinh doanh không thuộc diện không chịu thuế GTGT
 - ⇒ Phải kê khai nộp thuế GTGT với từng hoạt động phát sinh theo Luật thuế GTGT.
- **Công văn số 1393/CCTKV18-QLDN2 ngày 29/04/2025 (Chi cục Thuế khu vực XVIII):**
 - + Công ty xây dựng ngoài tỉnh thi công công trình tại địa phương khác: Phải kê khai, nộp thuế GTGT vắng lai ngoại tỉnh với thuế suất 1% (theo Điều 13 Thông tư 80/2021/TT-BTC).
 - + Trường hợp Công ty xây dựng ngoài tỉnh không phải lập bảng phân bổ thuế nếu có hoạt động kinh doanh tại nhiều tỉnh và đáp ứng đủ điều kiện theo Điểm c Khoản 2 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.
- **Công văn số 1132/ BNI-QLDN2 ngày 24/07/2025 (Chi cục Thuế khu vực V):**
 - + Trường hợp Công ty sản xuất kinh doanh các mặt hàng: Cầu kiện kim loại nếu sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm có mã ngành “25110 - Cầu kiện kim loại” xác định theo Danh mục và nội dung hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ) và không thuộc Phụ lục I (ban hành kèm theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ) thì sản phẩm trên thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT.
 - + Trường hợp Công ty sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ thép, nếu sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm có mã “24100 - Sản phẩm gang, sắt, thép” xác định theo Danh mục và nội dung hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ) và thuộc Phụ lục I (ban hành kèm theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ) thì sản phẩm trên không thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT.

4. Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

- **Công văn số 1580/CT-CS ngày 05/06/2025:**
 - + Nếu chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc (mẹ đẻ, con đẻ) trong năm 2023, thì được tính lại từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng, khi:
 - ⇒ Thực hiện quyết toán thuế;
 - ⇒ Có đăng ký người phụ thuộc đúng quy định.
- **Công văn số 672/CCTKV.XV-QLDN5 ngày 05/05/2025 (Chi cục Thuế khu vực XV):**
 - + Trường hợp Công ty đăng ký sai mã số thuế người phụ thuộc, thì:
 - ⇒ Thực hiện khai điều chỉnh giảm người phụ thuộc theo Mẫu 20-ĐK-TH-TCT;
 - ⇒ Nộp trên hệ thống eTax: <https://thuedientu.gdt.gov.vn>;
 - ⇒ Không được tính giảm trừ và phải điều chỉnh lại số thuế TNCN phải nộp (nếu có).

5. Thuê đất và miễn giảm tiền thuê đất

- **Công văn số 1687/CT-CS ngày 10/06/2025:**
 - + Doanh nghiệp chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm tiền thuê đất;
 - + Nếu chậm làm thủ tục, thời gian chậm không được miễn, giảm.

6. Chuyển đổi báo cáo tài chính bằng ngoại tệ

- **Công văn số 7902/CCTKV.XVI-QLDN2 ngày 19/05/2025 (Chi cục Thuế khu vực XVI):**
 - + Công ty lập báo cáo tài chính bằng đồng ngoại tệ thì:
 - ⇒ Phải chuyển đổi sang đồng Việt Nam khi công bố công chúng và nộp các cơ quan chức năng quản lý Nhà nước tại Việt Nam.
 - + Việc chuyển đổi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

